

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **38/2022/DS-ST**

Ngày 20/9/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Hội.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Cường, ông Nguyễn Tiến Tịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2022/TLST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-DS ngày 09/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L; địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện M, tỉnh Đắc Nông – có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H; địa chỉ: Thôn P, xã S, huyện M, tỉnh Đắc Nông – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lê Thị L:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 06/3/2012 bà Lê Thị L có cho bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 382.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi hai triệu đồng*). Bà H có viết giấy mượn tiền và ký nhận, các bên không thỏa thuận thời hạn trả cụ thể mà chỉ thỏa thuận bằng miệng với nhau là khi nào bà L đòi thì bà H sẽ trả, đồng thời thỏa thuận về lãi suất là 1%/tháng.

Do gia đình bà L có công việc nên đã nhiều lần đến nhà bà H và yêu cầu bà H trả số tiền gốc và lãi suất như đã thỏa thuận nhưng bà H vẫn không trả, bà L cũng đã làm thông báo gửi cho bà H để yêu cầu bà H trả nợ nhưng cho đến nay bà H vẫn

không trả. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 382.000.000 đồng và tiền lãi suất 9%/năm (0,75%/tháng) tính từ ngày 06/3/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả khoản tiền lãi suất 9%/năm (0,75%/tháng) tính từ ngày bà L 06/03/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, tuy nhiên bà H không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đều vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật từ quá trình thụ lý, lập hồ sơ vụ án Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật. Xác định đúng quan hệ tranh chấp giữa các bên; Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến các đương sự. Thẩm phán đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng mọi thủ tục, trình tự xét xử theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đúng theo quy định, không có trường hợp nào phải thay đổi người tiến hành tố tụng, Hội đồng xét xử đã hỏi và thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn không chấp hành đầy đủ các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L số tiền nợ gốc là 382.000.000 đồng và lãi suất.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Hoàn trả và Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải hoàn trả số tiền nợ gốc 382.000.000 đồng và lãi suất theo giấy vay tiền đề ngày 06/3/2012 nên quan hệ tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; tại thời điểm khởi kiện bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H có nơi cư trú tại thôn P, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông, do đó, theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

1.2. Về thời hiệu khởi kiện: Tính đến trước ngày Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil ra bản án, quyết định giải quyết vụ án các đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vấn đề áp dụng về thời hiệu không đưa ra xem xét.

1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H thì mặc dù bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả số tiền gốc 382.000.000 đồng và lãi suất theo giấy vay tiền đề ngày 06/3/2012, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp là “*Giấy vay tiền*” đề ngày 06/3/2012 (BL 08), Hội đồng xét xử thấy rằng chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là bản gốc, nội dung thể hiện bà H nợ bà L số tiền là 382.000.000 đồng, trong hợp đồng cho vay thể hiện chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Thu H, khi các bên thực hiện giao dịch vay tiền đều có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; mục đích, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự thì giao dịch vay tiền giữa bà L và bà H đủ kiện kiện có hiệu lực, từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bà H. Nội dung giấy vay tiền thể hiện giữa các bên không thỏa thuận về thời hạn trả nợ nhưng bà L đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H không trả nên bà H đã vi phạm về nghĩa vụ trả tiền của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Vì vậy, việc bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H có nghĩa vụ phải trả số tiền nợ gốc 382.000.000 đồng theo “*Giấy vay tiền*” đề ngày 06/3/2012 có căn cứ để chấp nhận.

2.2. Về lãi suất: Theo giấy vay tiền đề ngày 06/3/2012 thì các bên không thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên theo bà L thì mặc dù không ghi trong giấy vay tiền nhưng giữa các bên có thỏa thuận bằng miệng với nhau về lãi suất là 1%/tháng.

Theo Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.

2. Trong trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.

Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 09%/năm (0,75%/tháng)

Như vậy sự thỏa thuận giữa các bên với mức lãi suất 1%/tháng tại thời điểm vay là phù hợp với Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lê Thị L chỉ yêu cầu mức lãi suất 9%/năm (0,75%/tháng) tính từ ngày vay ngày 06/3/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/9/2022), xét thấy mức lãi suất mà bà L yêu cầu là có lợi cho bị đơn và phù hợp Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sẽ được tính cụ thể như sau: 382.000.000 đồng x 9%/năm (0,75%/tháng) x 10 năm 06 tháng 14 ngày = 362.327.000 đồng.

Như vậy tổng số tiền bà H có nghĩa vụ phải trả cho bà L là 744.327.000 đồng.

2.3. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả bà Lê Thị L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền 744.327.000 đồng (trong đó số nợ gốc là 382.000.000 đồng, số tiền lãi là 362.327.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu số tiền 33.773.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Lê Thị L số tiền 16.631.000 đồng tạm ứng án phí theo biên theo biên lai số 0006771, ngày 17 tháng 5 năm 2022 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện ĐắkMil;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Đình Hội

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Đình Hội